TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS - ST
Ngày: 09/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bạch Hồng Sơn và bà Trần Thị Nhài.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST - DS ngày 09/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, có mặt.
Địa chỉ: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Bị đơn: Bà Đậu Thị C, sinh năm 1957, vắng mặt.
Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 01/7/2008 âm lịch tức ngày 01/8/2008 dương lịch bà C có vay của bà số tiền 16.000.000đ. Trong ngày 01/7/2008 âm lịch tức ngày 01/8/2008 dương lịch bà C vay tiếp của bà số tiền 10.000.000đ. Giấy vay do bà C viết và bà C ký tên. Hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Bà C có viết vào giấy vay là 2%/1 tháng. Quá trình vay nợ bà C đã trả cho bà được 2.500.000đ tiền lãi suất. Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà C trả tiền gốc 26.000.000 đồng và và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2008 đến 09/7/2024 là 191 tháng 8 ngày với lãi suất 1,125% /tháng được 55.945.500 đồng trừ đi 2.500.000 đồng bà C đã trả lãi, còn phải trả đồng 53.445.500 đồng, tổng cả gốc và lãi suất là 79.445.500 đồng.

Quá trình xác minh tại Công an phường Q, thị xã H cung cấp: Ông Đậu Sỹ T1, sinh năm 1954 và bà Đậu Thị C, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú tại khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện nay ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C đang có mặt tại địa phương.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt các văn bản Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Đậu Thị C không trình bày ý kiến. Toà án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Đậu Thị C nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đậu Thị C đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bà Đậu Thị C trả nợ cho bà Nguyễn Thị T tiền gốc 26.000.000 đồng và và tiền lãi suất 53.445.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 79.445.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Đậu Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Đậu Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đậu Thị C có nơi cư trú tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai. Bị đơn bà Đậu Thị C đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền vay nợ: Tòa án đã giao trách nhiệm cho bà Đậu Thị C trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chữ ký trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp nhưng bà C không trình bày. Bà Đậu Thị C đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền, trả tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn xét thấy: Căn cứ vào 02 giấy vay tiền gốc do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp thì có căn cứ xác định: Ngày 01/7/2008 âm lịch bà Đậu Thị C có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 16.000.000đ. Trong ngày 01/7/2008 âm lịch bà Đậu Thị C có vay tiếp của

bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000đ. Tổng cộng bà Đậu Thị C vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 26.000.000đ. Giấy vay do bà C viết và bà C ký tên. Xét tại thời điểm vay hai bên đều đủ năng lực, hình thức của giấy vay tiền phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ xác định giấy vay tiền là có hiệu lực pháp luật, hợp đồng vay tài sản trên là vay có lãi, không có kỳ hạn. Quá trình vay ngày 15/9/2010 âm lịch bà Đậu Thị C có trả được cho bà 2.000.000đ. Năm 2023 bà C trả tiếp cho bà được 500.000đ. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Đậu Sỹ T1 chồng của bà Đậu Thị C trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khoản nợ này bà T cũng trình bày không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn An Q.

[3] Xét nội dung về lãi suất: Nội dung giấy vay tiền ghi nhận Ngày 01/7/2008 âm lịch tức là ngày 01/8/2008 bà C vay của bà T hai khoản tiền lần lượt là 16.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tổng là 26.000.000 đồng với lãi 2%/ tháng, tức là lãi 24%/ năm, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Nên giấy vay tiền này đang được thực hiện, lãi suất thời điểm thỏa thuận vượt quá 20%/năm theo Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (NQ 01/2019) thì "*Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết*". Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân Hàng N công bố cho vay tương ứng, tức không vượt quá 1.75%/tháng tại thời điểm 01/8/2008. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo giấy vay đã vượt quá quy định cho phép. Tuy nhiên, nguyên đơn đã yêu cầu từ 01/8/2008 đến 09/7/2024 với lãi suất 1,125% /tháng, phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính từ 01/8/2008 đến 09/7/2024 với lãi suất 1,125% /tháng.

- Xét số tiền lãi đã trả: Lần thứ nhất, bà C đã trả cho bà T số tiền lãi là 2.000.000 đồng cho khoản vay 26.000.000 đồng vào ngày 22/10/2010. Ngày 01/8/2008 đến 22/10/2010 với số tiền lãi bà T đã yêu cầu 1,125 %/tháng thì số tiền lãi cần phải trả tại thời điểm 22/10/2010 là 7.600.000 đồng nên số tiền lãi đã trả thực tế không quá số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Lần thứ hai, bà C trả lãi cho bà T là 500.000 đồng vào năm 2023 đương sự không nhớ thời gian cụ thể trả lãi, nên không có cơ sở tính số tiền lãi đã vượt quá.

[4] Về số tiền phải trả: Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà C trả tiền gốc 26.000.000 đồng và và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2008 đến 09/7/2024 là 191 tháng 8 ngày với lãi suất 1,125% /tháng được 55.945.500 đồng trừ đi 2.500.000 đồng bà C đã trả lãi, còn phải trả lãi suất 53.445.500 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 79.445.500 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bà Đậu Thị C là người cao tuổi được miễn án phí nhưng bà C không có đơn đề nghị miễn án phí nên cần buộc bà Đậu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 477 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Buộc bà Đậu Thị C phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị T tiền gốc vay còn nợ là 26.000.000đ, tiền lãi suất là 53.445.500 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 79.445.500 đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Đậu Thị C phải chịu 3.972.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSNDTX Hoàng Mai;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn